

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST

Ngày 06-7-2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng hợp tác*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Công H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 588/3/24/15, tỉnh lộ 10, phường Bình T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 255, đường Trần Hưng Đ, phường C, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S; trụ sở: Số 85, đường số 4, khu dân cư H3, khu phố 7, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch công ty kiêm giám đốc; địa chỉ thường trú: Số 192/35A, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Số 192/35A, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2020, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/01/2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Phan Công Hận trình bày:*

Ngày 16/01/2020, công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S (gọi tắt công ty Sơn Kim) do ông Nguyễn Văn P làm đại diện đã ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 49/2020/HĐHTĐT/SK với ông Phan Công H, mục đích góp vốn vào các dự án hình thành trong tương lai, khai thác kinh doanh và phân chia lợi nhuận bằng tiền. Theo nội dung của hợp đồng ông H đã góp vốn với số tiền 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân ông P theo số tài khoản 0281000466082 – Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B, cụ thể vào các ngày 17/01/2020, ngày 10/02/2020 và ngày 21/02/2020 mỗi lần ông H chuyển 100.000.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng và nhận tiền, phía công ty S đã vi phạm hợp đồng. Cụ thể công ty S không cung cấp thông tin về việc đầu tư, không thông tin về tiến độ thực hiện dự án, không trao đổi, bàn bạc, chia lợi nhuận cho ông H theo thỏa thuận. Nhận thấy tình hình dự án có vấn đề nên ngày 27/7/2020, ông H làm đơn đề nghị công ty S thanh lý hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng giao cho ông P. Ngày 08/9/2020, ông P nhắn tin cho ông H cho rằng đã chuyển cho ông H số tiền 100.000.000 đồng, nhưng khi ông H kiểm tra thì phát hiện số tài khoản người nhận không phải là số tài khoản của ông H. Sau đó, nhiều lần ông H đề nghị công ty S phải trả lại tiền cho ông H nhưng công ty không thực hiện. Nay ông H khởi kiện yêu cầu tuyên hủy hợp đồng Hợp tác đầu tư số 49/2020/HĐHTĐT/SK ngày 16/01/2020 giữa ông H với Công ty S do công ty đã vi phạm hợp đồng. Buộc công ty S và ông P liên đới trả cho ông H số tiền 300.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 06/7/2022 là 40.950.000 đồng. Tổng số tiền công ty S và ông P phải liên đới trả cho ông H là 340.950.000 đồng.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 26/5/2021 người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty S là ông Nguyễn Văn P trình bày:* Ngày 16/01/2020 Công ty S có ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 49/2020/HĐHTĐT/SK với ông Phan Công H về việc góp vốn hợp tác đầu tư dự án hình thành trong tương lai do công ty làm chủ đầu tư với số tiền 300.000.000 đồng. Việc góp vốn là do ông H hoàn toàn tự nguyện, nguồn tiền góp vốn là ông H mượn của ông Nguyễn Văn P, thời hạn thực hiện từ ngày 16/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020. Nay ông H yêu cầu chấm dứt hợp đồng và yêu cầu công ty phải hoàn trả lại tiền vốn đã góp, công ty đồng ý. Tuy nhiên, thời hạn trả lại số tiền được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong vòng 90 ngày và chia làm 03 đợt. Lãi suất thực hiện thanh toán ngay sau khi thanh toán số tiền cuối cùng của tiền gốc trong vòng 15 ngày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P:* Đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/5/2022, tham gia

phiên tòa vào các ngày 15/6/2022 và 06/7/2022 nhưng ông Nguyễn Văn P vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác. Về nội dung: Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Công Hận, bị đơn công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Pol đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 15/6/2022 và 06/7/2022 nhưng nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với công ty Cổ phần Đ (Codona); địa chỉ: đường số 2, khu công nghiệp B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại thời điểm thụ lý nguyên đơn xác định công ty Cổ phần Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên quá trình tố tụng nguyên đơn xác định công ty Cổ phần Đ không có trách nhiệm liên quan, quá trình thu thập chứng cứ Toà án xét thấy công ty Cổ phần Đ không có quyền lợi hay trách nhiệm liên quan nên đã không đưa công ty Cổ phần Đ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Ngày 16/01/2020, ông Phan Công H có ký kết với công ty S Hợp đồng hợp tác đầu tư với nội dung hai bên đồng ý góp vốn và nhận vốn góp để liên kết đầu tư các dự án hình thành trong tương lai do công ty S làm chủ đầu tư và khai thác kinh doanh để được phân chia lợi nhuận. Về địa điểm và quy mô của dự án tại tỉnh Bình Dương, loại hình dự án là đất khu dân cư với quy mô từ 02ha đến 10ha, thời gian xây dựng cơ sở hạ tầng trong năm 2020 – 2021. Về nội dung góp vốn: Ông H góp vốn với số tiền 300.000.000 đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 02 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng. Về phương thức phân chia lợi nhuận, hai bên thỏa thuận lợi nhuận mức 9%/năm đến 20%/năm trên tổng số tiền ông H đã góp vốn. Việc rút tiền sớm trước ngày 31/5/2020 thì

mức lợi nhuận được chi trả là 9%/năm; rút vốn ngày 30/9/2020 thì mức lợi nhuận sẽ được chi trả là 18%/năm và nếu đến ngày dự án đủ điều kiện chuyển nhượng sẽ áp dụng mức 20%/năm. Thời hạn của hợp đồng từ ngày 16/01/2020 đến ngày 31/12/2020. Ông Phan Công H cho rằng sau khi hai bên ký kết hợp đồng, ông H đã thực hiện việc chuyển khoản vào số tài khoản cá nhân ông Nguyễn Văn P theo số tài khoản 0281000466082 – Ngân hàng Vietcombank chi nhánh B, ông P là người đại diện theo pháp luật của công ty S vào các ngày 17/01/2020, ngày 10/02/2020 và ngày 21/02/2020 mỗi lần chuyển 100.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét Hợp đồng hợp tác số 49/2020/ HĐHTĐT/SK ngày 16/01/2020 giữa công ty S và ông H không thể hiện rõ tên dự án, địa điểm chính xác của khu vực mà công ty S đã đầu tư, thời hạn kết thúc của hợp đồng vào ngày 31/12/2020 nhưng phía bị đơn không cung cấp được thông tin về việc đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, không trao đổi, bàn bạc, chia lợi nhuận cho ông H theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, công ty S đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng. Ông H thực hiện việc chuyển tiền cho công ty S nhưng việc chuyển khoản thanh toán lại vào tài khoản cá nhân ông P đồng thời là người đại diện hợp pháp của công ty S. Công ty S cho rằng nguồn tiền mà ông chuyển cho ông P là nguồn tiền ông H mượn của ông P nhưng cá nhân ông P không có yêu cầu tranh chấp trong vụ án này. Vì vậy, ông P có quyền khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền ông H đã mượn trong một vụ án khác khi ông P có yêu cầu. Từ những nhận định trên xét thấy ông H yêu cầu Toà án tuyên huỷ hợp đồng hợp tác số 49 ngày 16/01/2020 giữa ông H và công ty S, buộc công ty S và ông P phải liên đới trả lại cho ông H số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 06/7/2022 với số tiền 40.950.000 đồng là phù hợp với Điều 423, các Điều 504, 505 và 512 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận. Công ty S đồng ý hoàn trả lại số tiền đã nhận góp vốn theo hợp đồng đã nêu và lãi suất theo quy định ngay sau khi hai bên đạt được thỏa thuận hoặc bằng bản án của Toà án có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật, đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng sẽ hoàn trả trong vòng 90 ngày và thực hiện thành 03 đợt, còn tiền lãi thanh toán ngay sau khi thanh toán số tiền cuối cùng của tiền gốc trong vòng 15 ngày. Xét đây là ý kiến riêng của công ty S không được ông H thống nhất và đồng ý nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận việc công ty S thống nhất trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán, riêng đối với kế hoạch trả nợ hai bên không thống nhất ý kiến nên Hội đồng xét xử không ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đăng báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ông H không phải chịu, công ty S và ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 423, Điều 504, Điều 505, 512 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công H về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác đối với bị đơn công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S.

1.1. Tuyên huỷ hợp đồng hợp tác đầu tư số 49/2020/HĐHTĐT/SK ngày 16/01/2020 giữa công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S và ông Phan Công H.

1.2. Buộc công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Công H số tiền gốc 300.000.000 đồng và 40.950.000 đồng tiền lãi chậm thanh toán.

1.3. Kể từ ngày 07/7/2022, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí sơ thẩm và chi phí đăng báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng S và ông Nguyễn Văn P phải chịu 17.047.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 4.585.000 đồng chi phí đăng báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Hoàn trả cho ông Phan Công H số tiền 7.837.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0051141 ngày 26/01/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một và 4.585.000 đồng tạm ứng chi phí ông H đã nộp.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.TDM;
- Thi hành án TP.TDM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Nguyệt Ánh

